

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3838 / UBND-GDĐT
V/v Thống nhất các khoản thu khác
năm học 2021-2022 tại các trường học
công lập trên địa bàn quận Hà Đông

Hà Đông, ngày 10 tháng 12 năm 2021

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập quận Hà Đông.

Thực hiện thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Văn bản số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 16/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị chỉ đạo và quán triệt thực hiện các khoản thu khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2020-2021; 2021-2022 và chỉ đạo điều hành giá năm 2021;

Thực hiện quyết định 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thành phố Hà Nội (trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc bãi bỏ Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND; Quyết định 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Công văn số 3716/VP-KGVX ngày 26/4/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chỉ đạo và quán triệt thực hiện các khoản thu khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2020-2021; 2021-2022 và chỉ đạo điều hành giá năm 2021.

Thực hiện công văn số 3594/SGDĐT-KHTC ngày 18/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2021-2022;

Văn bản số 3228/UBND-GDĐT ngày 20/10/2021 của UBND quận Hà Đông về việc tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2021-2022;

Xét đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Hà Đông tại văn bản số 1141/PGDĐT ngày 05/11/2021; Báo cáo thẩm định số 1372/BC-TCKH ngày 09/12/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về báo cáo thẩm định các khoản thu khác năm học 2021-2022 và đề nghị của các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập trên địa bàn quận,

Sau khi xem xét, UBND quận Hà Đông thống nhất chỉ đạo như sau:

1- Nhất trí với thỏa thuận các khoản thu khác năm học 2021-2022 của các trường học thuộc cấp học Mầm non, Tiểu học và THCS công lập trên địa bàn quận



Hà Đông theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính - Kế hoạch (các khoản thu khác của từng đơn vị có biểu chi tiết đính kèm).

2- Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp cùng Phòng Tài chính - Kế hoạch chỉ đạo và hướng dẫn các trường thực hiện theo đúng các quy định hiện hành; thường xuyên kiểm tra và tham mưu cho UBND quận trong công tác: kiểm tra, xử lý, giải quyết kịp thời những cơ sở thực hiện không đúng quy định và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định về Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận.

3- Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và THCS công lập trên địa bàn quận tổ chức thu, quản lý và sử dụng nguồn thu theo đúng quy định. Đảm bảo nguyên tắc thu đủ, chi đủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, thu nhập trên từng địa bàn. Mức thu căn cứ trên cơ sở dự toán chi phí, nội dung chi phải được thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Ban giám hiệu nhà trường và cơ quan quản lý cấp trên trước khi ban hành và thực hiện. Thực hiện công khai dân chủ để nhân dân và cha mẹ học sinh biết thực hiện. Chịu trách nhiệm trước UBND quận, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo về các khoản thu chi trái quy định. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo đúng quy định.

UBND quận yêu cầu Thủ trưởng các phòng ban đơn vị, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và THCS công lập nghiêm túc thực hiện. / *rat*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT *re*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hoà

**CÁC KHOẢN THU KHÁC THỎA THUẬN THỐNG NHẤT THỰC HIỆN
NĂM HỌC 2021 - 2022 CẤP HỌC MẦM NON**

(Kèm theo văn bản số 3838 / UBND-GDDT ngày 10 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên đơn vị	CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN				
		Chăm sóc bán trú (cháu/ tháng)	Trang thiết bị bán trú (cháu/năm)	Học phẩm (cháu/năm)	Tiền ăn (cháu/ ngày)	Nước tinh khiết học sinh (cháu/tháng)
1	Yết Kiêu	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
2	Sơn Ca	150.000	150.000	150.000	25.000	-
3	Phú Lương	150.000	150.000	150.000	22.000	10.000
4	Văn Khê	150.000	150.000	150.000	25.000	10.000
5	Quang Trung	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
6	Nguyễn Trãi	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
7	La Dương	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
8	Hà Cầu	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
9	Vạn Phúc	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
10	Dương Nội	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
11	Đồng Mai	150.000	150.000	150.000	20.000	10.000
12	Phú Lãm	150.000	150.000	150.000	25.000	11.000
13	Kiến Hưng	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
14	Phú La	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
15	Họa My	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
16	Búp Sen Hồng	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
17	Hoa Mai	150.000	150.000	150.000	25.000	11.000
18	Hoa Hồng	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
19	MN 3/2	150.000	150.000	150.000	25.000	11.000
20	Yên Nghĩa	150.000	150.000	150.000	25.000	10.000
21	Biên Giang	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
22	Hoa Sen	150.000	150.000	150.000	25.000	11.000
23	Ánh Dương	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
24	Mậu Lương	150.000	150.000	150.000	25.000	10.000

2022

TT	Tên đơn vị	Chăm sóc bán trú (cháu/ tháng)	Trang thiết bị bán trú (cháu/năm)	Học phẩm (cháu/năm)	Tiền ăn (cháu/ ngày)	Nước tinh khiết học sinh (cháu/tháng)
25	Hà Trì	150.000	150.000	150.000	25.000	11.000
26	Đồng Dương	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
27	Yên Hoà	150.000	150.000	150.000	23.000	12.000
28	Phú Lương 1	150.000	150.000	150.000	23.000	11.000
29	Bình Minh	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
30	Hàng Đào	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
31	Yên Nghĩa 1	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
32	Hương Sen	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
33	Phú Lương 2	150.000	150.000	150.000	22.000	10.000
34	Lê Trọng Tấn	150.000	150.000	150.000	25.000	11.000
35	Huyền Kỳ	150.000	150.000	150.000	25.000	11.000
36	Hoàng Hanh	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
37	Lê Quý Đôn	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
38	Sen Hồng	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
39	Hòa Bình	150.000	150.000	150.000	25.000	10.000
40	La Khê	150.000	150.000	150.000	25.000	10.000
41	Trần Quốc Toàn	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
42	Kim Đồng	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
43	Ngô Thị Nhậm	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
44	Mỗ Lao	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
45	Vạn Bảo	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000
46	Đa Sỹ	150.000	150.000	150.000	25.000	12.000

Số tiền các khoản thu khác trên các đơn vị trường học thực hiện thu trên cơ sở sổ tháng và sổ ngày học thực tế học sinh sử dụng dịch vụ giáo dục

Ngoài các khoản thu trên, các nhà trường không được phép thu thêm một khoản thu nào khác

zuth